



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động.....	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Mô hình tổ chức bộ máy.....	5
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2018	8
1. Môi trường đầu tư.....	8
2. Triển vọng đầu tư 2019.....	11
III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018	13
1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018.....	13
2. Tình hình nhân sự.....	13
3. Tình hình tài chính.....	15
4. Cơ cấu cổ đông.....	16
IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018	17
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.....	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2018.....	18
3. Báo cáo tài chính.....	18



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Vốn điều lệ ban đầu: 9.750.000.000 đồng

Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1: 37.500.000.000 đồng

Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Nay là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ - TTGDHN ngày 25/12/2006;

Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ - TTGDHCM ngày 23/01/2007;

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023);

Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đã thành lập xong Chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 195/QĐ-UBCK của phó chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ban hành ngày 18/03/2019.

Địa chỉ chi nhánh Hà Nội: P1106, tầng 11 tòa nhà Đào Duy Anh, số 09 Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

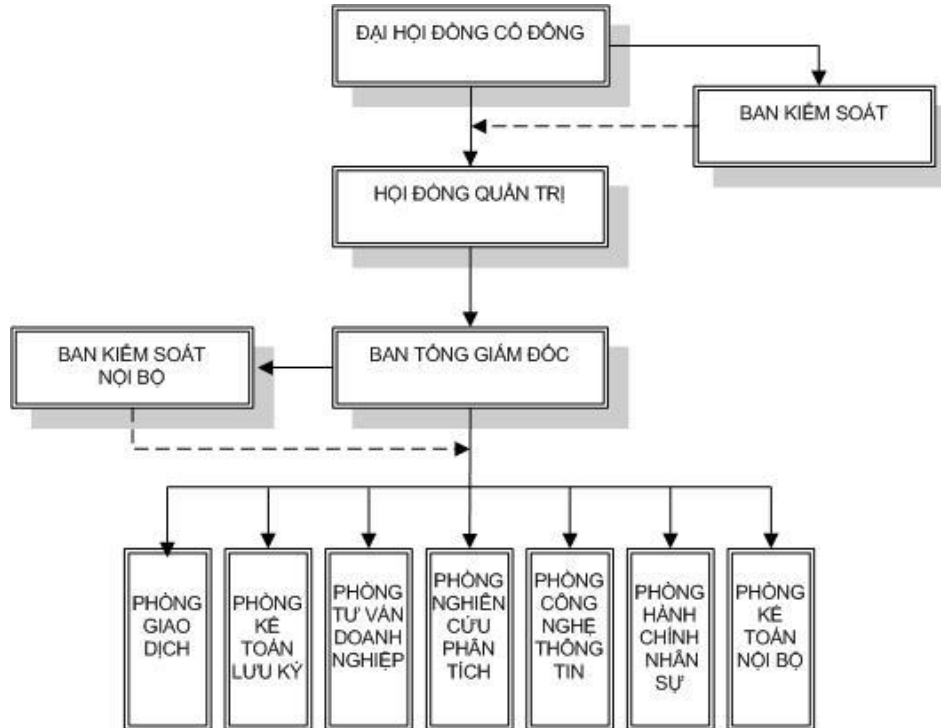


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

3. Mô hình tổ chức bộ máy



Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của VSC, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ VSC quy định, các cổ động sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, đại diện cho Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, điều lệ công ty và các quy định nội bộ.

Ban kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc

Là bộ phận trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại ban Tổng Giám đốc của VSC có 2 người; Tổng giám đốc điều hành chung các hoạt động kinh doanh của Công ty, Phó tổng giám đốc phụ trách về mảng hành chính và nhân sự.

Ban kiểm soát nội bộ giám sát hoạt động của các phòng ban, mỗi phòng ban đảm nhiệm các công việc theo đúng chuyên môn đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả nhất.

4. Định hướng phát triển

Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa VSC trở thành một thành viên đáng tin cậy của thị trường.

Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai;

Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp - là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng;

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công phân cấp rõ ràng; nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện và đổi mới công tác quản trị.

Về quy mô: Định hướng trong năm 2018 vừa qua là mở rộng quy mô Công ty, tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng nhằm tăng nguồn lực tài chính cho Công ty, mở rộng các hoạt động



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

ng nghiệp vụ như giao dịch ký quỹ, đầu tư tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phạm vi vốn điều lệ cho phép. Tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan định hướng đó chưa thực hiện được mà phải dời qua năm 2019.

Về công nghệ: Công ty đã đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán, ứng dụng di động, trang thông tin điện tử chuyên nghiệp và đồng bộ để đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; dự kiến sẽ ra mắt sản phẩm mới vào đầu tháng 5 năm 2019; đồng thời xây dựng và nâng cấp hệ thống theo những công nghệ mới nhất của thị trường hiện nay cùng với cơ sở dữ liệu chứng khoán cho bộ phận Nghiên cứu, phân tích.

Đảm bảo hoạt động ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh

VSC luôn đặt mục tiêu uy tín lên hàng đầu, luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh VSC luôn xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VSC cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với các luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, tuân thủ các Quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. VSC sẽ tiếp tục nỗ lực để đảm bảo an toàn tài chính và trở thành một địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư và khách hàng.

VSC đặt ra các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động và có biện pháp kiểm soát hợp lý để ngăn chặn và kiểm soát tốt nhất.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro do các nguyên nhân khách quan khác, cụ thể một số trường hợp như: như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhảm lệnh.. Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

đã xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro về thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng, phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho mục đích quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

Hoạt động trong thị trường chứng khoán với hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản mới trong lĩnh vực chứng khoán và những lĩnh vực có liên quan. Bên cạnh đó Công ty không ngừng nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên..Nhờ đó Công ty hạn chế được các vấn đề rủi ro liên quan đến Pháp luật.

II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

1. Môi trường đầu tư

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu năm 2018 đầy thuận lợi khi ngay trong quý 1, chỉ số Vn-Index đã dễ dàng chinh phục cột mốc 1.000 điểm và thậm chí là đỉnh lịch sử 1.200 điểm.

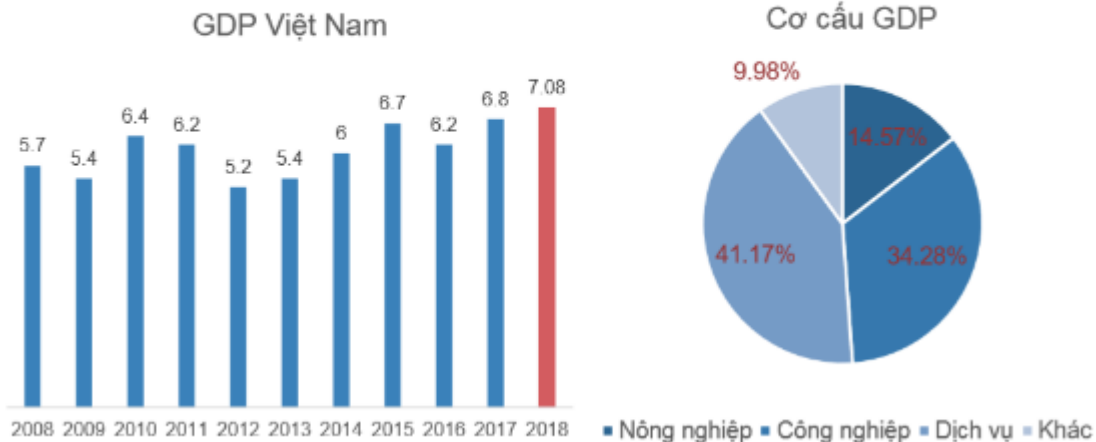
Không chỉ tăng mạnh về điểm số, thanh khoản thị trường cũng cải thiện đáng kể và những phiên giao dịch khớp lệnh gần 10.000 tỷ không phải là điều hiếm gặp. "Phong độ" ấn tượng trên đã giúp Vn-Index trở thành chỉ số chứng khoán tăng tốt nhất Thế giới trong quý 1 với mức tăng gần 22%. Sự bứt phá mạnh mẽ của thị trường trong giai đoạn đầu năm đến từ nền tảng vĩ mô trong nước ổn định, tăng trưởng GDP ở mức cao nhất trong nhiều năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

GDP Việt Nam trong 2018 cao kỷ lục



Năm 2018, Việt Nam trở thành điểm sáng đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài, trong khi các thị trường mới nổi bị rút vốn ròng thì Việt Nam được khối ngoại rót vốn ròng.

Theo Tổng cục Thống kê, trong 11 tháng đầu năm 2018 có 5.882 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, với tổng giá trị góp vốn là 7,64 tỷ USD, tăng 44,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có 995 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 2,96 tỷ USD và 4.887 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 4,68 tỷ USD.

Sau khởi đầu êm ả trong quý 1, diễn biến thị trường trở nên kém tích cực kể từ đầu quý 2. Những lo ngại về chiến tranh thương mại leo thang trên toàn thế giới, xu hướng siết chặt dòng tiền, tăng lãi suất, cũng như tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể "hạ nhiệt" đã ảnh hưởng không nhỏ tới thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Trên thị trường chứng khoán, do ảnh hưởng từ dòng vốn toàn cầu dưới tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, khối ngoại bán ròng trong quý II, nhưng từ tháng 8 trở lại đây, khối này bắt đầu quay trở lại mua ròng, ước tính cả năm mua ròng hơn 40.000 tỷ đồng.

Chỉ số Vn-Index từ vùng đỉnh 1.200 điểm đã "lao dốc" xuống vùng 900 điểm trong ba quý cuối năm, tương ứng mức điều chỉnh khoảng 25%. Mức biến động của Vn-Index trong năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

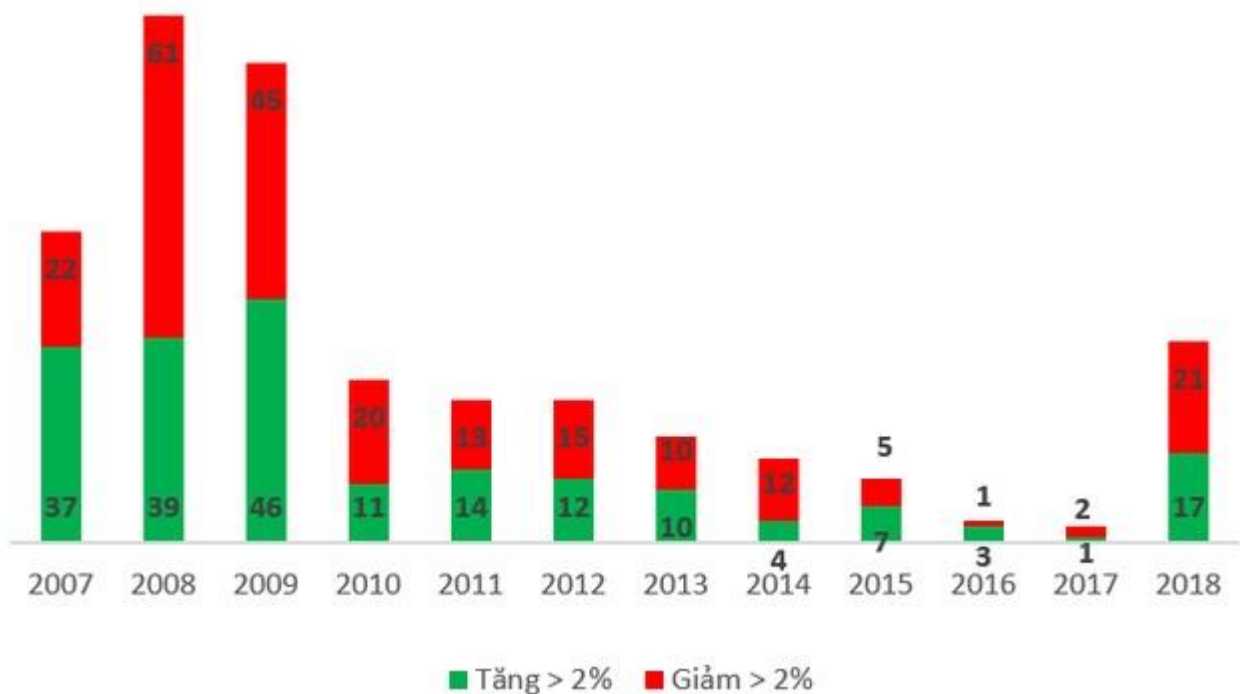
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

qua là khá lớn và nằm trong top 10 chỉ số chứng khoán có biến động mạnh nhất trên Thế giới.

Quả thực, trong năm 2018 thị trường chứng khoán Việt Nam đã có rất nhiều phiên biến động mạnh khiến giới đầu tư "không kịp trở tay". Thống kê trong năm 2018 cho thấy, Vn-Index có 38 phiên giao dịch có mức biến động trên 2% so với phiên trước, bao gồm 17 phiên tăng trên 2% và 21 phiên giảm trên 2%.

Với 38 phiên tăng/giảm trên 2% trong năm 2018, Vn-Index đã ghi nhận mức biến động mạnh nhất kể từ năm 2009 tới nay (91 phiên biến động trên 2% năm 2009).

Số phiên biến động trên 2% của Vn-Index



Tuy vậy, năm 2018 cũng ghi nhận sự tiến bộ vượt bậc của các doanh nghiệp niêm yết. Trong 9 tháng đầu năm 2018, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết có sự cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái cả về doanh thu và lợi nhuận (doanh thu tăng 20,5% và lợi nhuận tăng 24,9%). Các công ty chứng khoán có lợi nhuận sau thuế tăng 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường chứng khoán đã tiếp tục khẳng định là kênh huy động vốn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

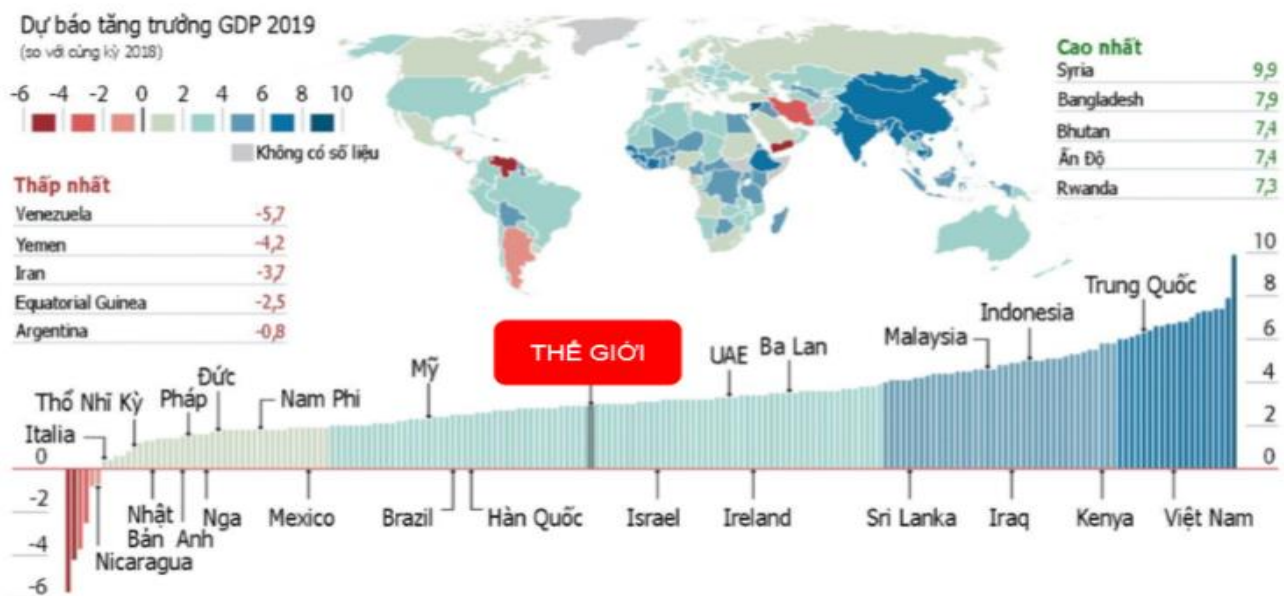
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

hiệu quả cho sự phát triển kinh tế, trong đó, huy động trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đạt 192 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu kho bạc đạt mức 12,55 năm.

Với những thành công đã đạt được, thị trường chứng khoán tiếp tục khẳng định được vai trò là kênh huy động vốn hữu hiệu cho cả Chính phủ và khu vực tư nhân để phục vụ cho nhu cầu đầu tư và phát triển kinh tế. Thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là thị trường thành công nhất khu vực Đông Nam Á về huy động vốn trong năm 2018.

2. Triển vọng đầu tư 2019

Sau khi trải qua năm 2018 với nhiều biến động, thị trường kỳ vọng năm 2019 quy mô sẽ có những chuyển biến tích cực hơn. Với những tập đoàn lớn trong nước đang và sẽ tiếp tục thoái vốn trong thời gian tới như VEA, Lilama, Viglacera..., nhà đầu tư hoàn toàn có thể kỳ vọng rằng nguồn tiền lớn sẽ quay lại thị trường trong năm 2019. Cũng cần lưu ý thêm, trong năm 2018, quá trình này khá trầm lắng. Thêm vào đó, việc ký kết thành công hiệp định CPTPP sẽ giúp một số ngành có thêm lợi thế cạnh tranh trong hoạt động xuất khẩu, ví dụ như thủy hải sản, dệt may,... Năm 2019, dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn nằm top đầu khu vực và thế giới.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Mặc dù vậy chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức trong đó có áp lực kiềm chế lạm phát. Cùng lúc thị trường có thể chứng kiến nhiều biến động mạnh do các bất ổn biến động khó lường từ Mỹ, Trung Quốc hay châu Âu. Tính chung cho cả năm 2019, sau khi cân nhắc tất cả các yếu tố trên, mặc dù kỳ vọng vào một kịch bản tích cực của thị trường nhưng chúng tôi cho rằng các chỉ số chính sẽ dao động trong biên độ khá lớn, khoảng 300-350 điểm trên cơ sở các giả định: (1) Động thái tăng lãi suất của FED nhiều khả năng sẽ vẫn tiếp tục trong năm 2019 (2) Mỹ và Trung Quốc sẽ khó có thể đạt được một thỏa thuận thương mại toàn diện ngay trong năm tới; (3) kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đi cùng với việc kiểm soát tốt lạm phát và tỷ giá dù chịu áp lực lớn hơn.

Trong năm 2019, Cơ quan quản lý ngành là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện 04 nhiệm vụ trọng tâm, gồm:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, với trọng tâm là thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho doanh nghiệp trong huy động vốn nâng cao tính công khai minh bạch của thị trường chứng khoán; Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát thị trường chứng khoán để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện các giải pháp tái cấu trúc thị trường chứng khoán, trọng tâm là nâng cao năng lực, lành mạnh hoá hệ thống các tổ chức trung gian thị trường. Thực hiện cơ cấu lại thị trường chứng khoán, thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam trên cơ sở sắp xếp lại 2 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Thứ ba, triển khai các sản phẩm chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai trên một số chỉ số và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thứ tư, thúc đẩy triển khai các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ hạng thị trường cận biên lên hạng thị trường mới nổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của VSC trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tăng trưởng 2018/2017 (%)
Tổng tài sản	41,511,000,186	38,291,490,410	39,212,544,791	2.4
Vốn chủ sở hữu	38,532,160,364	37,637,493,323	38,877,063,309	3.3
Vốn điều lệ	37,500,000,000	37,500,000,000	37,500,000,000	0
Doanh thu	873,047,418	1,681,554,886	6,027,663,880	258.5
LN trước thuế	(1,527,962,282)	(822,687,041)	1,239,569,986	250.7

Trong năm 2018, Công ty có sự cải thiện về Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế. Nguyên nhân chính là do tình hình thị trường chứng khoán năm 2018 khởi sắc khiến doanh thu môi giới tăng mạnh so với 2017, dẫn đến lợi nhuận trước thuế cũng được cải thiện tỷ lệ thuận theo doanh thu môi giới.

2. Tình hình nhân sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VSC có 3 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:

- Bà Thái Thị Nga - Chủ tịch HĐQT
- Ông Đặng Thái Nguyên - Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/06/2018)
Bà Thái Hương - Phó chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/06/2018)
- Bà Trương Thị Kim Thư - Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/06/2018)
Ông Đặng Thái Nguyên - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/06/2018)

Bà Thái Thị Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã tham gia và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phó Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á, Phó giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại và Dịch vụ Vạn Niên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Hiện nay bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt.

Ông Đặng Thái Nguyên đã nhiều năm tham gia vào thị trường tài chính, ông đã từng đảm nhiệm các công việc: Trưởng phòng Đầu tư và Chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc Á; Giám đốc ngân hàng TMCP Bắc Á chi nhánh Thanh Hóa, Từ cuối năm 2006 Ông là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt. Giữa năm 2018, ông Đặng Thái Nguyên được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Thái Doãn Sơn - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Duy Châu - Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 20/06/2018)

Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty hàng tháng và khi có những phát sinh đột xuất.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty dựa vào điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuân thủ các quy định của nhà nước, các quy trình, quy chế của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng tháng, hàng quý, phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban kiểm soát; đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;

Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 12 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khỏe tốt.

3. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng /giảm
Tổng giá trị tài sản	38,291,490,410	39,212,544,791	2.4
Doanh thu thuần	1,681,554,886	6,027,663,880	258.5



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Lợi nhuận từ HĐKD	(822,687,041)	1,651,951,612	300.8
Lợi nhuận khác	-	(412,381,626)	-
Lợi nhuận trước thuế	(822,687,041)	1,239,569,986	250.7
Lợi nhuận sau thuế	(822,687,041)	1,239,569,986	250.7

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	48.44	91.92
	<i>Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ NH</i>	48.44	91.92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	0.02	0.01
	<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0.02	0.01
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i>	0.04	0.15
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	(0.49)	0.21
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	(0.02)	0.03
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH</i>	(0.02)	0.03
	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần</i>	(0.49)	0.27

4. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần: 3.750.000 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần, mệnh giá 10.000đ/cổ phần). Chi tiết cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ
1	Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67%
2	Thái Hương	4.000.000.000	10,67%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

3	Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67%
4	Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67%
5	Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67%
6	Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67%
7	Nguyễn Hà Nam	6.500.000.000	17,33%
8	Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53%
9	Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46%
10	Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66%
	Cộng	37.500.000.000	100%

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Nắm bắt được tình hình của nền kinh tế, Ban Tổng giám đốc định hướng để Công ty duy trì ổn định và phát triển bền vững các hoạt động chính như môi giới, tư vấn và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Trong năm 2018, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo không có sự thay đổi về mặt tổ chức nhân sự, duy trì khách hàng thường xuyên và phát triển thêm khách hàng mới.

Bước sang năm 2019, nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn sẽ là một trong những nghiệp vụ chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Việt, cùng với đó là nghiệp vụ tư vấn sau khi chi nhánh Hà Nội đã được thành lập. Bên cạnh đó với mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ trong năm thì Công ty sẽ bổ sung các nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, đầu tư tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phạm vi vốn điều lệ cho phép.

Với nguồn lực tài chính mới, Công ty sẽ đầu tư mạnh cho cơ sở vật chất và hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại, đi tắt đón đầu xu thế về công nghệ trên thị trường hiện nay. Cùng với đó là sẽ mở rộng thêm bộ máy nhân sự nhưng vẫn theo chính sách trọng về chất, không trọng về lượng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2018

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 đóng lại với một triển vọng tuy không quá lạc quan về tình hình vĩ mô của thế giới nhưng môi trường kinh doanh ở Việt Nam ngày càng minh bạch, kinh tế vĩ mô ổn định, là lực hút rất lớn dòng tiền FDI, FII từ nước ngoài chảy vào. Năm 2019 nhiều khả năng Việt Nam tiếp tục sẽ đạt tốc độ tăng trưởng theo mục tiêu đề ra. Tuy vậy nhìn lại tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua thì vẫn còn nhiều điểm chưa thực sự tốt, đặc biệt là về thị phần kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường ngành vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy với cái nhìn triển vọng khả quan về thị trường trong những năm tới, sự đầu tư kịp thời trong năm nay sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Công ty. Định hướng dài hạn Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, đa dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.
- Mở rộng thị phần đối với hoạt động môi giới
- Mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh mới, tiến tới chuyên môn hóa và mô hình Ngân hàng đầu tư kiểu mẫu
- Đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo sự ổn định và an toàn cho việc vận hành hệ thống, tạo ra nhiều tiện ích cho nhà đầu tư.
- Tạo được uy tín, chất lượng trong phục vụ khách hàng
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ quy trình thực hiện giao dịch.
- Phát triển ổn định và bền vững dựa trên các nguyên tắc kinh doanh đã đề ra.

3. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-26

U
3DN
VHA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Tầng 3 - Số 117 - Đường Quang Trung

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch	
Ông Đặng Thái Nguyên	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2018)
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 20/06/2018)
Bà Trương Thị Kim Thư	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2018)
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 20/06/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016) và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Số: 28/2019/BCKT-UHY MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2019, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2018-112-1

Đào Thị Hồng Hạnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2933-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

- Chi nhánh Miền Trung

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	MẪU SỐ B01-CTCK	
			31/12/2018	Đơn vị tính: VND 01/01/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		30.837.375.936	31.678.034.463
110	I. Tài sản tài chính		30.366.725.980	31.614.913.430
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	12.073.598.694	29.944.086.974
111.1	1.1 Tiền		5.073.598.694	11.444.086.974
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	18.500.000.000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	V.2	16.000.000.000	-
114	3. Các khoản cho vay	V.3	1.354.000.000	64.000.000
117	4. Các khoản phải thu		406.131.507	842.947.223
117.2	4.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		406.131.507	842.947.223
117.4	4.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		406.131.507	842.947.223
118	5. Trả trước cho người bán		119.000.000	-
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		108.818.202	220.762.304
122	7. Các khoản phải thu khác		305.177.577	543.116.929
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		470.649.956	63.121.033
131	1. Tạm ứng		178.420	7.330.124
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	430.471.536	22.000.000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	33.790.909
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		40.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.375.168.855	6.613.455.947
220	II. Tài sản cố định		2.031.115.798	847.327.757
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	1.973.720.540	732.537.236
222	- Nguyên giá		4.377.043.067	3.302.251.467
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.403.322.527)	(2.569.714.231)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	57.395.258	114.790.521
228	- Nguyên giá		1.260.867.750	1.260.867.750
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.203.472.492)	(1.146.077.229)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		250.000.000	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		6.094.053.057	5.766.128.190
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		76.780.000	10.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	V.5	270.992.184	-
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	V.8	5.746.280.873	5.756.128.190
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		39.212.544.791	38.291.490.410

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND

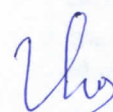
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		335.481.482	653.997.087
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		335.481.482	653.997.087
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		43.721.053	43.721.053
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		-	136.688.713
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		25.000.000	25.000.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	114.412.936	78.380.458
323	5. Phải trả người lao động		-	93.723.583
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	143.125.179	100.240.966
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		168.114	167.188.114
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.054.200	9.054.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.877.063.309	37.637.493.323
410	I. Vốn chủ sở hữu		38.877.063.309	37.637.493.323
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		37.866.101.544	37.866.101.544
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		37.500.000.000	37.500.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		37.500.000.000	37.500.000.000
411.4	1.2 Vốn khác của chủ sở hữu		366.101.544	366.101.544
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		366.101.544	366.101.544
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		366.101.544	366.101.544
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	V.12	278.758.677	(960.811.309)
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		278.758.677	(960.811.309)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		39.212.544.791	38.291.490.410


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01-CTCK
Đơn vị tính: VND


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Đơn vị: Số lượng chứng khoán				
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	115.842.069	87.836.686
021.1	a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	110.082.671	51.144.728
021.2	b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	6.298	5.658
021.3	c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.550.000	36.600.000
021.5	d.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.203.100	86.300
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	452.001	398
022.1	a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	452.001	398
Đơn vị: Đồng Việt Nam				
026	3.	Tiền gửi của khách hàng	46.827.775.570	9.341.092.105
027	3.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	V.9 46.701.361.815	9.313.502.000
030	4.2	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	126.413.755	27.590.105
031	5.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.701.361.815	9.313.502.000
031.1	5.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.701.361.815	9.313.502.000
035	6.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	126.413.755	27.590.105


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



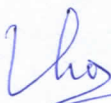

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc


Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B02-CTCK
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
06	1.1 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		5.314.492.047	912.317.422
08	1.2 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		499.999.999	504.545.454
09	1.3 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		180.797.734	229.292.094
11	1.4 Thu nhập hoạt động khác		32.374.100	35.399.916
20	Cộng doanh thu hoạt động		6.027.663.880	1.681.554.886
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.219.320.765	2.363.789.595
29	2.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		162.000.000	122.333.872
30	2.3 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		374.696.615	214.719.198
40	Cộng chi phí hoạt động		3.756.017.380	2.700.842.665
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		1.874.738.009	1.787.180.557
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.874.738.009	1.787.180.557
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1 Chi phí lãi vay		183.320.548	129.732.230
60	Cộng chi phí tài chính		183.320.548	129.732.230
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	VI.1	2.311.112.349	1.460.847.589
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.651.951.612	(822.687.041)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
72	7.1 Chi phí khác		412.381.626	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(412.381.626)	-
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.239.569.986	(822.687.041)
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.239.569.986	(822.687.041)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100.1	9.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.2	-	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.239.569.986	(822.687.041)
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.239.569.986	(822.687.041)
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	VI.3	331	(219)
502	11.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		331	(219)


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng


Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.239.569.986	(822.687.041)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	389.083.307	335.027.599
03	- Khấu hao tài sản cố định	205.762.759	205.295.369
06	- Chi phí lãi vay	183.320.548	129.732.230
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(17.859.590.773)	325.141.128
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(16.000.000.000)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay	(1.290.000.000)	(64.000.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	436.815.716	702.886.109
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	111.944.102	82.695.070
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	237.939.352	(148.644.367)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác	(15.990.070)	(321.240.719)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	42.884.213	(17.447.553)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước	(679.463.720)	-
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(40.000.000)	-
44	- Lãi vay đã trả	(183.320.548)	(147.881.230)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	(255.688.713)	117.840.000
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	36.032.478	74.156.102
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động	(93.723.583)	18.959.216
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	(167.020.000)	27.818.500
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(16.230.937.480)	(162.518.314)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(1.639.550.800)	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.639.550.800)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
73	3. Tiền vay gốc	7.000.000.000	1.000.000.000
73.2	3.1 Tiền vay khác	7.000.000.000	1.000.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(7.000.000.000)	(3.600.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	(7.000.000.000)	(3.600.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(2.600.000.000)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ	(17.870.488.280)	(2.762.518.314)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	29.944.086.974	32.706.605.288
101.1	- Tiền	11.444.086.974	10.706.605.288
101.2	- Các khoản tương đương tiền	18.500.000.000	22.000.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	12.073.598.694	29.944.086.974
103.1	- Tiền	5.073.598.694	11.444.086.974
103.2	- Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	18.500.000.000

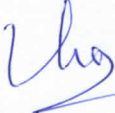
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)


PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	14.661.558.075.269	4.416.628.785.901
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(14.612.881.054.669)	(4.576.879.302.901)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	2.941.622.110.058	190.916.138.100
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(2.952.911.270.843)	(21.497.124.100)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.460.388.932.022	849.022.441.382
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(1.460.290.108.372)	(849.041.093.207)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	37.486.683.465	9.149.845.175
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	9.341.092.105	191.246.930
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	9.341.092.105	191.246.930
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	9.313.502.000	145.005.000
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	27.590.105	46.241.930
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	46.827.775.570	9.341.092.105
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	46.827.775.570	9.341.092.105
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	46.701.361.815	9.313.502.000
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	126.413.755	27.590.105


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng





Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2019


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ		Mẫu B04 - CTCK Đơn vị tính: VND		
	01/01/2017		01/01/2018		31/12/2017			31/12/2018	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.866.101.544	37.866.101.544	-	-	-	-	37.866.101.544	37.866.101.544	
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	37.500.000.000	37.500.000.000	-	-	-	-	37.500.000.000	37.500.000.000	
1.2 Vốn khác của chủ sở hữu	366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544	
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	366.101.544	366.101.544	-	-	-	-	366.101.544	366.101.544	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	(66.124.268)	(960.811.309)	(894.687.041)	-	1.239.569.986	-	(960.811.309)	278.758.677	
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(66.124.268)	(960.811.309)	(894.687.041)	-	1.239.569.986	-	(960.811.309)	278.758.677	
TỔNG CỘNG	38.532.180.364	37.637.493.323	(894.687.041)	-	1.239.569.986	-	37.637.493.323	38.877.063.309	


Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng




Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ 02 ngày 09/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/3/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 37.500.000.000 đồng, được chia thành 3.750.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu cụ thể như sau:

	31/12/2018	Tỷ lệ (%)	01/01/2018	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của cá nhân	37.500.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00
- Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Hương	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67	4.000.000.000	10,67
- Nguyễn Hà Nam	6.500.000.000	17,33	6.500.000.000	17,33
- Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53	3.200.000.000	8,53
- Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46	2.800.000.000	7,46
- Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66	1.000.000.000	2,66
Cộng	37.500.000.000	100,00	37.500.000.000	100,00

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 10 người (tại ngày 31/12/2017 là 08 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	04-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	04-12

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Doanh thu

Nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn (doanh thu từ giao dịch về cung cấp dịch vụ) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng... Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

17. Công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam có hiệu lực bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2011. Việc trình bày chi tiết về công cụ tài chính xem thuyết minh số VII.4.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	26.226.653	122.225.296
Tiền gửi ngân hàng	5.025.418.841	5.445.794.636
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	48.179.853	5.876.067.042
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	18.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (*)	7.000.000.000	18.500.000.000
Cộng	<u>12.073.598.694</u>	<u>29.944.086.974</u>

(*) Thông tin chi tiết các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 35372/2506022 ngày 30/01/2018 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất 5,2 %/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38470/2506033 ngày 31/07/2018 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 5,2 %/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu (*)	16.000.000.000	-
Cộng	<u>16.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Thông tin chi tiết các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38036/2506032 ngày 03/07/2018 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 6.000.000.000 đồng, lãi suất 7,1%/năm;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 34949/2506021 ngày 10/01/2018 tại NH TMCP Bắc Á – Chi nhánh Hàng Đậu, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 7,1%/năm.

3. Các khoản cho vay

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Ứng trước tiền bán của khách hàng	1.354.000.000	64.000.000
Cộng	<u>1.354.000.000</u>	<u>64.000.000</u>

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	115.418.286	2.339.980.009.800
Trái phiếu	127.800.000	13.478.455.952.098
Cộng	<u>83.191.813</u>	<u>7.806.294.530.714</u>

5. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a) Ngắn hạn	430.471.536	22.000.000
Phí dịch vụ cung cấp dữ liệu tài chính cho Website Công ty	-	22.000.000
Cước dịch vụ MetroWan năm 2019	292.167.216	-
Cước dịch vụ Máy chủ ảo	72.040.320	-
Chi phí trả trước khác	66.264.000	-
b) Dài hạn	270.992.184	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	270.992.184	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.243.161.467	1.059.090.000	3.302.251.467
Số tăng trong năm	1.389.550.800	-	1.389.550.800
- Mua sắm TSCĐ trong năm	1.389.550.800	-	1.389.550.800
Số giảm trong năm	(314.759.200)	-	(314.759.200)
- Thanh lý TSCĐ	(314.759.200)	-	(314.759.200)
Số dư cuối năm	3.317.953.067	1.059.090.000	4.377.043.067
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</i>	1.928.402.267	-	1.928.402.267
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.243.161.467	326.552.764	2.569.714.231
Số tăng trong năm	42.458.496	105.909.000	148.367.496
- Khấu hao TSCĐ trong năm	42.458.496	105.909.000	148.367.496
Số giảm trong năm	(314.759.200)	-	(314.759.200)
- Thanh lý TSCĐ	(314.759.200)	-	(314.759.200)
Số dư cuối năm	1.970.860.763	432.461.764	2.403.322.527
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	732.537.236	732.537.236
Tại ngày cuối năm	1.347.092.304	626.628.236	1.973.720.540

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.260.867.750	1.260.867.750
Số dư cuối năm	1.260.867.750	1.260.867.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.146.077.229	1.146.077.229
Khấu hao trong năm	57.395.263	57.395.263
Số dư cuối năm	1.203.472.492	1.203.472.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	114.790.521	114.790.521
Tại ngày cuối năm	57.395.258	57.395.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền nộp ban đầu (gốc và lãi)	5.756.128.190	5.442.039.175
Tiền lãi phân bổ trong năm	304.241.698	314.089.015
Thu tiền lãi trong năm	(314.089.015)	-
Số dư cuối năm	5.746.280.873	5.756.128.190

9. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.701.361.815	9.313.502.000
Tổng	46.701.361.815	9.313.502.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018	01/01/2018
Thuế giá trị gia tăng	97	45.454.641
Thuế thu nhập cá nhân	114.412.839	32.925.817
Cộng	114.412.936	78.380.458

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền thuê nhà	40.500.000	-
Phí lưu ký, phí giao dịch, cước thuê kênh	94.135.711	52.193.728
Chi phí phải trả khác	8.489.468	48.047.238
Cộng	143.125.179	100.240.966

12. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2018	01/01/2018
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	278.758.677	(960.811.309)
Cộng	278.758.677	(960.811.309)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: VND)

1. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	1.408.780.002	745.278.246
Chi phí vật liệu quản lý	46.578.441	18.230.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	15.594.000
Khấu hao Tài sản cố định	105.909.000	105.909.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.353.128	374.090.769
Chi phí khác	312.491.778	201.745.574
Cộng	2.311.112.349	1.460.847.589

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

2.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239.569.986	(822.687.041)
Điều chỉnh tăng	370.372.495	-
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	72.000.000	-
- Lỗi giao dịch phát sinh năm 2009	298.372.495	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.609.942.481	(822.687.041)
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.609.942.481)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	(822.687.041)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế	1.239.569.986	(822.687.041)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.239.569.986	(822.687.041)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.750.000	3.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	331	(219)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Nhiệm vụ với các bên liên quan:

Ông Đặng Thái Nguyên là Tổng giám đốc, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt, đồng thời là Ủy viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á. Bà Thái Hương, cổ đông góp 10,67% vốn và từng giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (miễn nhiệm ngày 20/6/2018), đồng thời là Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á.

Trong kỳ Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng TMCP Bắc Á như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn 12 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))		
- Phát sinh tăng	1.196.773.014.707	149.765.137.801
- Phát sinh giảm	1.155.171.041.911	148.481.426.778
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	13.478.455.952.098	1.723.687.124.487
Vay ngắn hạn	7.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí	268.165.348	214.577.030
- Chi phí lãi vay	183.320.548	129.732.230
- Chi phí thuê văn phòng	84.844.800	84.844.800
Doanh thu	2.714.997.473	2.632.876.717
- Doanh thu môi giới Trái phiếu	682.498.700	318.440.693
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	180.797.734	229.299.294
- Doanh thu hoạt động tư vấn	272.727.272	277.272.727
- Doanh thu phí chuyển tiền	32.120.000	35.245.912
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.546.853.767	1.772.618.091

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
Ngân hàng TMCP Bắc Á		
Tiền gửi Ngân hàng (gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được phân loại thành Các khoản tương đương tiền và tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng được phân loại là Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM))	74.704.927.424	33.102.954.628
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	406.131.507	842.947.223
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	108.818.202	220.762.304

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.008.000.000	462.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ kỳ 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

4.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.073.598.694	29.944.086.974
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.000.000.000	-
Các khoản cho vay	1.354.000.000	-
Các khoản phải thu	820.127.286	1.721.947.489
Cộng	30.247.725.980	31.666.034.463
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	43.889.167	347.597.880
Chi phí phải trả	143.125.179	100.240.966
Cộng	187.014.346	447.838.846

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

4.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

4.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

4.3.2 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

4.3.3 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	43.889.167	-	-	43.889.167
Chi phí phải trả	143.125.179	-	-	143.125.179
Cộng	187.014.346	-	-	187.014.346
Số dư đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	347.597.880	-	-	347.597.880
Chi phí phải trả	100.240.966	-	-	100.240.966
Cộng	447.838.846	-	-	447.838.846
Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.073.598.694	-	-	12.073.598.694
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
Các khoản cho vay	1.354.000.000	-	-	1.354.000.000
Các khoản phải thu	820.127.286	-	-	820.127.286
Cộng	30.247.725.980	-	-	30.247.725.980
Số dư đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.944.086.974	-	-	29.944.086.974
Các khoản phải thu	1.721.947.489	-	-	1.721.947.489
Cộng	31.666.034.463	-	-	31.666.034.463

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)

Mẫu số B09- CTCK

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận bởi vì Công ty không có các lĩnh vực kinh doanh mà lĩnh vực này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các lĩnh vực kinh doanh khác, đồng thời Công ty cũng không có chi nhánh.

6. Thông tin khác

Theo biên bản họp đại hội Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 20/06/2018, Công ty đã thông qua việc giao cho Tổng giám đốc Đặng Thái Nguyên lập phương án tăng vốn điều lệ từ 37.500.000.000 đồng lên mức 300.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phương án tăng vốn điều lệ chưa được thực hiện thực tế.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2019